TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 256/2025/DS-ST
Ngày: 23/5/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị
Các Hội thẩm nhân dân:
- Bà Nguyễn Thị Huệ
- Ông Nguyễn Văn Soan

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Toà án quận Gò Vấp
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa*:*
Bà Hồ Thị Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1504/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2025/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 4 năm 2025 (Quyết định hoãn phiên tòa số 137/2025/QĐHPT - ST ngày 05 tháng 5 năm 2025) giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thu N, sinh năm 1981
Địa chỉ: phường Hiệp Bình Chánh, TP Thủ Đức
Người đại diện hợp pháp: Bà Hà Thanh T, sinh năm 1987
Địa chỉ: quận 8, TPHCM
Giấy ủy quyền lập ngày 25/8/2023

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Ánh T, sinh năm 1982
Địa chỉ: phường 12, quận Gò Vấp

(Đại diện nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai, lời trình bày của người đại diện hợp pháp và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Bà Phạm Thị Thu N có nghề may công nghiệp chuyên về quần áo trẻ em. Qua tìm hiểu, bà N biết bà Huỳnh Thị Ánh T (tên thường gọi ở nhà là P) có nhu cầu đặt hàng đồ bộ trẻ em để bỏ sỉ. Ngày 25/4/2023 bà N và bà T đã thỏa thuận: Vải may đồ trẻ em bà N phải mua từ bà T. Tiền mua vải bà N phải thanh toán cho bà T đầy đủ khi nhận vải. Sau khi may ra thành phẩm thì bán lại cho bà T. Tiền hàng thành phẩm thì bà T thanh toán theo từng lô hàng, sau 30 ngày kể từ ngày nhận hàng.

Thực hiện thỏa thuận trên, bà N đã mua vải của bà T và thanh toán đầy đủ số tiền 455.800.000 đồng bằng cách chuyển tiền vào tài khoản tên Huỳnh Thị Ánh T, số tài khoản --- tại Ngân hàng A.

Từ ngày 06/5/2023 đến ngày 10/7/2023 bà N đã giao các lô hàng đồ bộ trẻ em cho bà T tổng cộng 07 mã hàng, từ mã 001 đến 007, cụ thể như sau:

- Ngày 24/5/2023 giao lô hàng mã 001 gồm 1090 bộ;
- Ngày 30/5/2023 giao lô hàng mã 002 gồm 1095 bộ;
- Ngày 05/6/2023 giao lô hàng mã 003 gồm 1220 bộ;
- Ngày 05/6/2023 giao lô hàng mã 004 gồm 1204 bộ;

Thành tiền là 341.830.000 đồng;

- Ngày 28/6/2023 giao lô hàng mã 05 gồm 2090 bộ + 25 bộ lẻ;
- Ngày 28/6/2023 giao lô hàng mã 06 gồm 1825 bộ + 30 bộ lẻ;

Thành tiền là 332.850.000 đồng;

- Lô hàng mã 007 có giá trị 40.000.000 đồng không nhớ giao ngày nào. Nhưng ngày 10/7/2023 bà T có xác nhận lô hàng mã 007 có giá 40 triệu đồng.

=> Tổng cộng là 341.830.000 đồng + 332.850.000 đồng + 40.000.000 đồng = 714.680.000 đồng.

Các lần giao hàng bà N đều yêu cầu bà T thanh toán theo thỏa thuận đã ký kết nhưng bà T không thanh toán. Ngày 10/7/2023 hai bên đã ký giấy xác nhận với nhau về tổng số mã hàng đồ bộ trẻ em đã nhận và tiền bà T còn nợ là 714.680.000 đồng. Bà T hẹn đến ngày 15/7/2023 sẽ thanh toán nhưng vẫn không thanh toán nên bà N khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán số tiền 714.680.000 đồng cho bà N. Thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Huỳnh Thị Ánh T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không đến. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã tống đạt thông báo về kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

1/ Về việc tuận theo pháp luật tố tụng:

1.1 Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại các Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thực hiện đúng quy định việc tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về nội quy phiên tòa.

1.2 Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đánh giá yêu cầu của nguyên đơn phù hợp quy định tại các Điều 430, 432, 433, 434, 435, 436, 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

1.1 Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng mua bán quy định tại các Điều 430, 432, 433, 434, 435, 436, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Kết quả Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ về tình trạng cư trú của bị đơn thể hiện: "Bà Huỳnh Thị Ánh T, sinh năm 1982, đăng ký thường trú tại quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, nhưng không còn cư trú tại đây". Điều này cho thấy người khởi kiện đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của người bị kiện nhưng người bị kiện thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú, thể hiện mục đích che dấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ của bị đơn. Việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng không đảm bảo việc cấp, tống đạt, thông báo cho người được cấp, tống đạt, thông báo nên Tòa án đã thực hiện việc đăng tin theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn không thanh toán đúng hạn nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại nơi cư trú cuối cùng là quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, điều này phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Đại diện nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 91; khoản 1 và khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, nguyên đơn không yêu cầu tòa án triệu tập người làm chứng, người tham gia tố tụng khác. Do đó, Tòa án không triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

[2] *Xét yêu cầu của đương sự:*

Nguyên đơn mua vải của bị đơn và thanh toán đầy đủ. Nguyên đơn may xong thành phẩm là quần áo đồ bộ trẻ em bán lại cho bị đơn nhưng không được thanh toán theo đúng thỏa thuận. Các bên đương sự đã xác nhận về số lượng các lô hàng và giá trị phải thanh toán là 714.680.000 đồng vào ngày 10/7/2023, bị đơn hẹn thanh toán vào ngày 15/7/2023 nhưng không thực hiện.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các thỏa thuận, nhưng bị đơn chưa thanh toán tiền hàng theo đúng thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán gây thiệt hại cho nguyên đơn. Việc nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu tính lãi từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 16/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 23/5/2025 là có lợi cho bị đơn. Do đó, cần buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền 714.680.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ, phù hợp quy định tại các Điều 430, 432, 433, 434, 435, 436, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

Bị đơn phải trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo mức lãi suất quá hạn kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] *Về án phí:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 235; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 430, 432, 433, 434, 435, 436, 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là bà Phạm Thị Thu N đối với bị đơn là bà Huỳnh Thị Ánh T.

Buộc bà Huỳnh Thị Ánh T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị Thu N số tiền 714.680.000 đồng (bảy trăm mười bốn triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng) theo giấy xác nhận ngày 10/7/2023. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Thị Ánh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.587.200 đồng (ba mươi hai triệu, năm trăm tám mươi bảy ngàn, hai trăm đồng).

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Phạm Thị Thu N số tiền 17.048.360 đồng (mười bảy triệu, không trăm bốn mươi tám ngàn, ba trăm sáu mươi đồng) theo biên lai thu số 0056982 ngày 19/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo và kháng nghị bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận :
- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Tứ Nhị